

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HẬU GIANG
BAN QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH BẾN XE TÀU

BẢN SAO

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
BAN QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH BẾN XE TÀU

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÙI QUANG NHƠN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 46 Quyển số: CT/BSCT/BS
Ngày... 13 tháng... 02 năm... 2019.
CÔNG CHỨNG VIÊN



Bùi Văn Loập

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm 2018

MỤC LỤC

KHÁI NIỆM	3
PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BAN QUẢN LÝ.....	4
I. TỔNG QUAN VỀ BAN QUẢN LÝ	4
1. Giới thiệu về Ban Quản lý	4
2. Chủ sở hữu Ban quản lý	4
3. Ngành nghề kinh doanh chính	4
4. Quá trình hình thành và phát triển	6
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	6
6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động SXKD 3 năm trước cổ phần hóa.....	9
6.1. Tình hình SXKD qua các năm	10
6.2. Nguồn nguyên liệu	11
6.3. Trình độ công nghệ.....	12
6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	12
6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm - dịch vụ.....	12
6.6. Hoạt động Marketing.....	13
6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	13
6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	13
6.9. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.....	14
6.10. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BQL&ĐH bến xe tàu trong năm báo cáo	14
6.11. Vị thế của đơn vị so với các đơn vị khác trong cùng ngành	15
II. THỰC TRẠNG BAN QUẢN LÝ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BAN QUẢN LÝ	16
1. Tổng giá trị tài sản của Công ty	16
2. Thực trạng về công nợ.....	17
3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng	18
4. Thực trạng về lao động.....	21

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	21
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	22
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN.....	22
1. Căn cứ pháp lý	22
2. Mục tiêu cổ phần hóa	24
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa.....	24
4. Giá trị thực tế đơn vị để cổ phần hóa.....	24
II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	27
1. Hình thức cổ phần hóa.....	27
2. Thông tin đơn vị sau khi cổ phần hóa.....	28
3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty	29
4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ	29
5. Phương án chào bán cổ phần:	30
6. Rủi ro dự kiến của đợt chào bán	39
7. Dự toán chi phí cổ phần hóa.	41
8. Phương án lao động.....	41
9. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa	44
10. Đăng ký giao dịch và niêm yết	44
11. Phương án sử dụng đất	46
12. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành.....	46
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	50
13.1. Chiến lược phát triển.....	50
13.2. Mục tiêu	50
13.3. Các chỉ tiêu chính.....	51
14. Các giải pháp thực hiện	52
KẾT LUẬN.....	56
PHỤ LỤC	57

KHÁI NIỆM

1. Trong phương án này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

Ban quản lý	:	Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu
Đơn vị	:	Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu
Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	:	là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành
Cổ đông	:	Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông
Cổ tức	:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính
Vốn điều lệ	:	là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp
Tổ chức tư vấn	:	Công ty cổ phần chứng khoán BETA

2. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Phương án cổ phần hóa:

KVNN	:	Khu vực nhà nước
NĐT	:	Nhà đầu tư
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VĐL	:	Vốn điều lệ
BQL&ĐH	:	Ban Quản lý và điều hành Bến xe tàu
XDCB	:	Xây dựng cơ bản

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BAN QUẢN LÝ

I. TỔNG QUAN VỀ BAN QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH BẾN XE TÀU

1. Giới thiệu về Ban Quản lý và điều hành Bến xe tàu

Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng tại kho bạc. Thông tin chính như sau:

- Tên tiếng việt: Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu.
- Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, KV3, Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại: (0293) 3877 448
- Email:...
- Số tài khoản: 7000201008111 tại CN Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Hậu Giang; Tài khoản số 113000123784 CN Vietinbank Hậu Giang
- Mã số thuế: 1800547026-003

*** Căn cứ pháp lý**

- + Quyết định thành lập Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu Hậu Giang số 157/2004/QĐ-UB ngày 04/10/2004 của UBND Tỉnh Hậu Giang.
- + Quyết định số 1714/QĐ-UBND ngày 22/6/2009 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu trực thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang.

2. Cơ quan chủ quản

- Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang.
- Địa chỉ: Số 1 đường Điện Biên Phủ, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Quyết định số 74/QĐ-SGTVT ngày 29/01/2016 về Chức năng và nhiệm vụ chính của Ban Quản lý và điều hành Bến xe tàu và quyết định số 430/QĐ-SGTVT ngày 14/5/2018 về việc điều chỉnh Khoản 10, Điều 2; Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 của quyết định số 74/QĐ-SGTVT ngày 29/01/2016 về Chức năng và nhiệm vụ chính của Ban Quản lý và điều hành Bến xe tàu của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hậu Giang như sau:

Vị trí, chức năng:

- BQL&ĐH Bến xe tàu là đơn vị sự nghiệp có thu thuộc Sở Giao thông vận tải Hậu Giang, có chức năng quản lý và khai thác bến xe, bến tàu phà; được phép đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

- BQL&ĐH Bến xe tàu Hậu Giang là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tổ chức và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan sắp xếp trật tự, phục vụ hành khách đi lại dễ dàng và an toàn, bảo vệ trật tự trong bến xe, bến tàu, bến phà; chống cướp giật, móc túi và các hành vi làm mất trật tự, đảm bảo an toàn cho hành khách.

- Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy định vận tải khách tại bến xe, bến tàu bao gồm:

+ Kiểm tra phương tiện: Liên quan giấy tờ như văn bản chấp hành khai thác tuyến của cơ quan quản lý tuyến, đăng ký, sổ kiểm định, bảo hiểm hành khách, phù hiệu tuyến, sổ nhật trình chạy xe;

+ Kiểm tra con người thông qua việc kiểm tra giấy tờ lái, phụ xe, giấy phép lái xe, bằng và chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa, giấy chứng nhận tập huấn nhân viên phục vụ trên xe khách; kiểm tra theo Luật Giao thông đường bộ nội dung “ lái xe tuyệt đối không uống rượu bia”;

+ Kiểm tra giám sát quy định vận tải khách tại bến bao gồm: kiểm tra, giám sát trách nhiệm của Doanh nghiệp khai thác bến.

+ Kiểm tra giám sát trách nhiệm của doanh nghiệp vận tải.

- Phối hợp kiểm tra tại các bến với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan; tuyên truyền phổ biến pháp luật; Tiếp nhận phản ánh của khách hàng; Giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp nếu có giữa các Doanh nghiệp vận tải và doanh nghiệp khai thác bến xe; Báo cáo định kỳ và đột xuất về Sở Giao thông vận tải.

- Lập biên bản hành vi, vi phạm tại các bến xe tàu, phà theo quy định.

- Được phép đầu tư, khai thác bến xe, bến tàu, bến phà theo quy định.

- Tham mưu đề xuất với Sở Giao thông vận tải về kế hoạch quản lý, bảo trì, đầu tư nâng cấp mở rộng bến xe, bến tàu, bến phà.

- Tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ, viên chức và người lao động theo phân cấp; thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, viên chức và người lao động theo quy định.

- Thực hiện quản lý tài chính, tài sản và các nguồn lực khác được giao theo

quy định của pháp luật.

- Được phép mở các bến xe, bến tàu khi có yêu cầu quy hoạch mở bến của các huyện chưa có bến.

- Đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Sở Giao thông vận tải phân công.

4. Quá trình hình thành và phát triển

BQL&ĐH Bến xe tàu được thành lập theo quyết định số 157/2004/QĐ-UB ngày 04/10/2004, là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, trực thuộc Sở Giao thông vận tải quản lý. Chức năng chuyên môn là quản lý và điều hành các bến xe, tàu trực thuộc (Bến xe tàu Phụng Hiệp và Bến xe tàu Vị Thanh).

Đến năm 2009, được Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định số 1796/QĐ-SGTVT ngày 17/12/2009 quy định thêm chức năng và được giao thêm 1 số bến xe tàu để quản lý gồm: Bến xe Thị trấn Trà Lồng, Bến xe Lương Nghĩa huyện Long Mỹ; Bến xe Cái Tắc huyện Châu Thành A; Bến xe Ngã Bảy thị xã Ngã Bảy. Bên cạnh đó được Sở Giao thông vận tải bổ sung thêm chuyên môn về đào tạo lái xe mô tô.

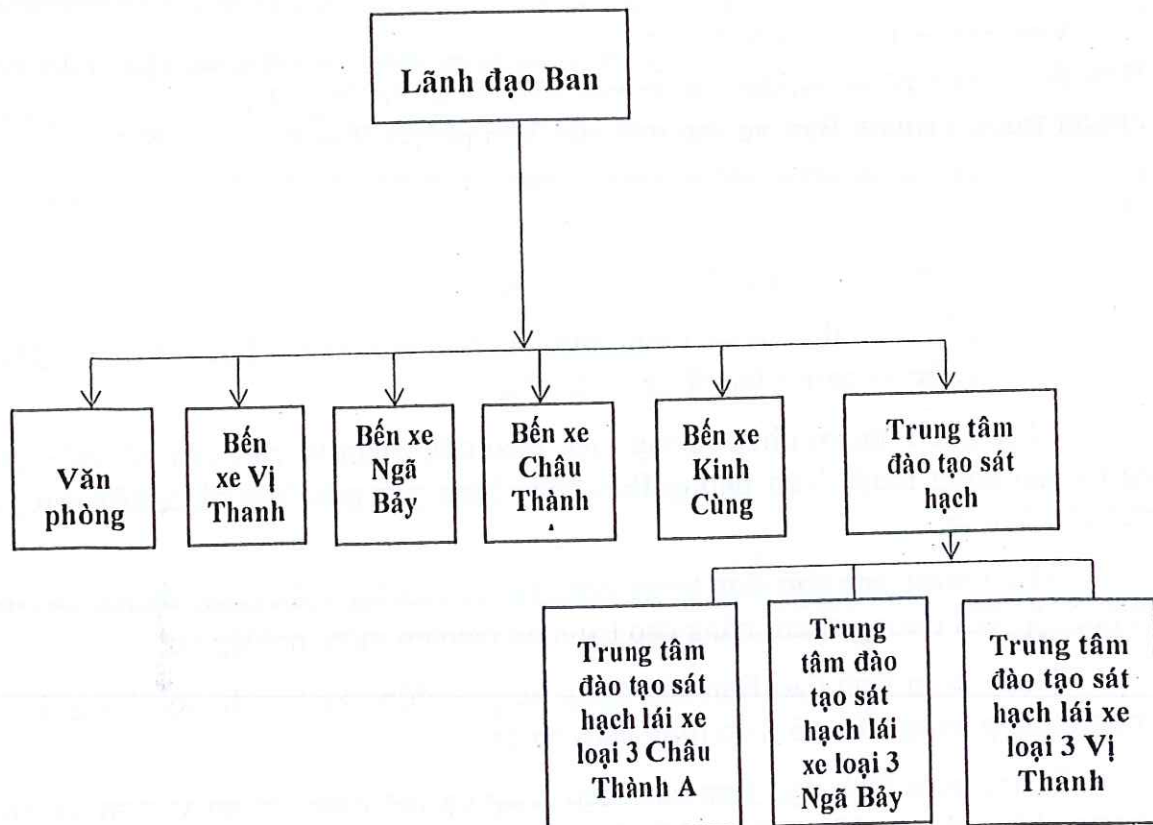
Năm 2016 Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định số 74/QĐ-SGTVT ngày 22/01/2016 quy định chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức biên chế lúc này BQL&ĐH Bến xe tàu quản lý và khai thác mảng đào tạo, lái xe mô tô và 04 bến xe tại Ngã Bảy, Kinh Cù, Châu Thành A và Vị Thanh.

Tháng 5/2018 Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định số 430/QĐ-SGTVT ngày 14/5/2018 về việc điều chỉnh Khoản 10, Điều 2; Khoản 1, Khoản 2, Điều 3 của quyết định số 74/QĐ-SGTVT ngày 22/01/2016 về quy định chức năng, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của BQL&ĐH Bến xe tàu. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại quản lý, khai thác 04 bến xe và 03 Trung tâm đào tạo, sát hạch lái xe tại: Ngã Bảy, Vị Thanh, Châu Thành A

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Sơ đồ tổ chức

Hình 1: Sơ đồ tổ chức Ban Quản lý và điều hành Bến xe tàu



(Nguồn: BQL&DH Bến xe tàu)

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận:

a. Lãnh đạo ban: Gồm 01 trưởng ban và 02 Phó ban:

✚ Trưởng ban:

- Là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Hậu Giang, trực tiếp điều hành về mọi công việc chung của BQL&DH Bến xe tàu và những công việc được phân công theo quy định của pháp luật.

- Trực tiếp điều hành Phó trưởng ban thực hiện quản lý điều hành mọi công việc của BQL&DH Bến xe tàu.

✚ Phó Trưởng ban:

BQL&DH Bến xe tàu có 2 Phó Trưởng ban, thực hiện công việc theo sự phân công nhiệm vụ cụ thể của trưởng ban. Bao gồm:

- Phụ trách hoạt động văn phòng và trung tâm sát hạch lái xe.
- Phụ trách mọi hoạt động của của các bến xe.

b. Văn phòng: Bao gồm bộ phận văn Phòng và bộ phận kế toán.

*Bộ phận văn phòng

Văn phòng Ban thực hiện việc quản lý hoạt động và công tác của Văn phòng Ban theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Trưởng Ban giao và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban về các mặt của Văn phòng Ban theo quy định. Trực tiếp phụ trách tham mưu công tác tổ chức, nhân sự, hành chính, nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiếp nhận, xử lý, điều phối văn bản đến từ văn thư;
- Trực tiếp soạn thảo hoặc tham mưu các văn bản về tổ chức, nhân sự đối với cán bộ viên chức và người lao động thuộc Ban;
- Chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, quản lý việc cán bộ viên chức, người lao động thuộc Văn phòng Ban chấp hành giờ giấc làm việc, nội quy, quy chế của đơn vị;
- Tham mưu lãnh đạo Ban trong công tác cử cán bộ, viên chức, người lao động đi học tập, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham mưu lãnh đạo Ban xây dựng và phát động kế hoạch, nội dung thi đua khen thưởng hàng năm và theo từng chuyên đề;
- Tham mưu lãnh đạo Ban các biện pháp cụ thể trong phạm vi đơn vị nhằm phòng chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, tiêu cực, hách dịch, cửa quyền trong khi thi hành nhiệm vụ của cán bộ viên chức, người lao động;
- Theo dõi thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ cơ quan, tình hình diễn biến tư tưởng của viên chức, người lao động, kịp thời báo cáo lãnh đạo Ban biết, xử lý;
- Trực tiếp tham mưu công tác xây dựng cơ quan có đời sống văn hóa tốt, an toàn, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường;
- Văn phòng Ban đảm bảo điều kiện, phục vụ các cuộc họp, hội nghị, tiếp khách của Ban;
- Tham mưu lãnh đạo Ban đánh giá, phân loại cán bộ viên chức, người lao động (kể cả phân loại hàng năm và phân loại hàng quý); xét nâng lương, chế độ nghỉ việc, nghỉ hưu, tử tuất; chịu trách nhiệm chính trong việc lưu trữ, bổ sung hồ sơ và quản lý phần mềm quản lý CBCC VC và người lao động;

***Bộ phận Kế toán:**

Tham mưu Trưởng Ban về công tác quản lý tài chính, tài sản cơ quan theo đúng quy định của pháp luật:

- Tham mưu tính hiệu quả của việc đầu tư và các thủ tục đầu tư, quyết toán;
- Kiểm tra các Bộ phận trực thuộc trong việc thu, chi, đăng nộp tài chính đúng quy định;

c. Bến xe Vị Thanh, Bến xe Ngã Bảy, Bến xe Châu Thành A, Bến xe Kinh Cù:

Trưởng Ban phân công các Bến xe trực thuộc có nhiệm vụ quản lý Nhà nước về vận tải hành khách bằng ô tô và tổ chức khai thác có hiệu quả tại các bến xe khách trực thuộc, cụ thể như sau:

- Được quyền phối hợp thực hiện hợp đồng với các đơn vị vận tải có đủ giấy phép kinh doanh vận tải hợp pháp và được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành Giao thông vận tải cho phép.
- Tổ chức bán vé theo hợp đồng ký kết hoặc cho các đơn vị vận tải thuê địa điểm để bán vé.
- Thu và đăng nộp các loại phí và lệ phí đầy đủ.
- Tổ chức bốc xếp hành lý, hàng hóa, tổ chức trông giữ ô tô đỗ trong Bến xe khách.
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ hành khách và lái xe, dịch vụ kỹ thuật cho các phương tiện vận tải.
- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có nhiệm vụ quản lý nhà nước đảm bảo trật tự trị an, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường trong bến.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về vận chuyển hành khách bằng xe ô tô đối với các phương tiện hoạt động tại Bến xe khách.
- Kiến nghị và phối hợp với các cơ quan: Thanh tra Giao thông, chính quyền địa phương nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Lập biên bản đối với những lái xe xuất bến không đúng giờ, không đảm bảo số chuyến lượt đã đăng ký, xe chở quá tải, chở hàng lậu, hàng quốc cấm, chất dễ cháy nổ, tinh thần thái độ phục vụ thiếu văn minh lịch sự với hành khách...
- Ngoài ra, thực hiện một số nhiệm vụ khác do Trưởng Ban phân công.

d. Trung tâm đào tạo sát hạch:

Bao gồm: Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại 3 Châu Thành A, Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại 3 Ngã Bảy, Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại 3 Vị Thanh. Chức năng nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Có trách nhiệm tổ chức tuyển sinh, đào tạo lái xe cơ giới đường bộ hạng A₁, phối hợp tổ chức các kỳ sát hạch theo qui định của Bộ Giao thông vận tải.
- Ngoài ra, thực hiện một số nhiệm vụ khác do Trưởng Ban phân công.

6. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa

6.1. Tình hình sản xuất kinh doanh qua các năm

Hoạt động kinh doanh các lĩnh vực chính của BDH&QL bến xe tàu từ năm 2015 đến năm 2017 như bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
I	Hoạt động khai thác bến xe				
1	Tổng số lượt phương tiện ra vào bến	Lượt	77.614	109.001	164.885
2	Tổng số lượt hành khách qua bến	Lượt	1.302.526	1.477.209	1.351.229
3	Doanh thu khai thác bến xe	Tỷ đồng	4,170	4,82	4,826
II	Hoạt động đào tạo – sát hạch lái xe mô tô				
1	Số lượt học viên tham dự đào tạo sát hạch lái xe mô tô	Người	11.338	11.006	8.629
2	Doanh thu đào tạo sát hạch lái xe mô tô	Tỷ đồng	1,466	1,323	1,446

(Nguồn: BQL&DH Bến xe tàu)

Kết quả kinh doanh từ năm 2015 đến 31/05/2018 được thể hiện cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	5 tháng đầu năm 2018
1	Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang(*)	-	-	-	
2	Thu trong kỳ	5.436.063.131	5.963.939.988	5.997.825.002	2.440.872.570
	Phí, lệ phí	2.211.110.710	2.636.759.755	2.409.593.509	0
	Thu dịch vụ	3.224.952.421	3.327.180.233	3.588.231.493	2.440.491.870
	Thu hoạt động tài chính	-	-	-	380.700
3	Chi trong kỳ (5+10+12)	3.381.292.210	3.619.514.349	3.812.853.920	2.173.418.604
	- Chi lương, các khoản theo lương	1.691.236.422	1.797.956.699	1.815.166.715	801.260.472
	- Chi mua sắm công cụ dụng cụ				569.620.858

	- Chi hoạt động	1.261.464.438	1.372.876.300	1.487.950.905	-
	- Khấu hao TS dùng cho dịch vụ	428.591.350	448.681.350	509.736.300	802.537.274
4	Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này (10= (01+02)-(06+12+24))	2.054.770.921	2.344.425.639	2.184.971.072	267.453.966

(Nguồn: BQL&ĐH Bến xe tàu)

Nhận xét:

Hoạt động kinh doanh chính của BQL&ĐH Bến xe tàu tập trung ở hai lĩnh vực chính là hoạt động khai thác bến xe và hoạt động đào tạo lái xe mô tô. Trong đó tỷ trọng doanh thu hoạt động khai thác bến xe chiếm tỷ trọng lớn hơn hoạt động đào tạo lái xe mô tô.

6.2. Nguồn nguyên liệu

a. Các yếu tố đầu vào phục vụ cung cấp dịch vụ:

Hiện nay đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ vận tải hành khách tại bến xe, nên các yếu tố đầu vào phục vụ quá trình cung cấp dịch vụ chủ yếu là các yếu tố về mặt bằng như: không gian bãi đỗ xe chờ vào vị trí đón khách, khu vực đón trả khách, phòng chờ của khách, khu vực bán vé,... Cùng với yếu tố mặt bằng bến xe, đơn vị phải sử dụng các yếu tố đầu vào khác như điện, hệ thống công nghệ thông tin điều hành,...

b. Sự ổn định của yếu tố đầu vào:

Hiện tại đang quản lý và điều hành 4 bến xe, 02 bến được thuê đất dài hạn 02 bến là bến tạm thuê mặt bằng hàng năm.

Các yếu tố khác như điện, hệ thống thông tin,... đều là các yếu tố đầu vào thường xuyên. Điện sử dụng được lấy từ lưới điện quốc gia, luôn duy trì cung cấp điện thường xuyên cho Bến xe.

c. Ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào tới doanh thu, lợi nhuận:

Diện tích đất của Bến xe Ngã Bảy và Bến Kinh Cù được đưa vào cổ phần hóa được giao cho đơn vị quản lý và chưa thu tiền sử dụng đất. Sau khi cổ phần hóa, công ty cổ phần sẽ tiếp tục sử dụng diện tích đất này nhưng dưới hình thức thuê dài hạn và trả tiền hàng năm, chi phí thuê mặt bằng sẽ là trở thành chi phí của công ty cổ phần. Theo đó chi phí thuê đất sẽ trở thành chi phí thường xuyên và không có nhiều biến động.

Các chi phí điện năng tiêu thụ cũng sẽ là chi phí đầu vào quan trọng có ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Bến xe.

Công ty cổ phần sẽ được miễn giảm tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 19, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật.

6.3. Trình độ công nghệ

BQL&DH Bến xe tàu sử dụng hệ thống trang thiết bị máy móc, bàn ghế, ứng dụng phần mềm quản lý các bến xe và lắp đặt Camera theo dõi nhằm giúp đơn vị cập nhật, quản lý thông tin các nhà xe tham gia đón, trả khách tại bến, điều phối thời gian, vị trí ra, vào, đậu đỗ của các nhà xe, hạn chế thấp nhất tình trạng quá tải, trễ giờ, ùn tắc giao thông, giúp nâng cao chất lượng phục vụ hành khách. Đồng thời giúp quản lý, đảm bảo an ninh trật tự tại các Bến xe.

Đổi mới phương thức đào tạo tại các trung tâm đào tạo sát hạch lái xe loại 3, thực hiện các khâu nộp hồ sơ, chụp hình tại chỗ để rút ngắn thời gian hoàn tất hồ sơ cho khách hàng, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm sát hạch lái xe loại 3.

6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

BQL&DH bến xe tàu đã và đang từng bước nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới. Ngoài dịch vụ bến xe tàu và đào tạo sát hạch lái xe loại 3 đã được triển khai tại 3 bến xe đang nghiên cứu triển khai dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, hiện nay đã được Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang bổ sung chức năng và sẽ triển khai sớm trong thời gian tới.

Bên cạnh đó cũng đang nghiên cứu triển khai dịch vụ xe buýt nhằm tăng doanh thu và đồng thời để phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân địa phương được thuận tiện.

Các dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, kinh doanh trạm xăng dầu, kiểm định xe cơ giới đường bộ tại khu vực các bến xe, đầu tư bến xe mới kết hợp với trung tâm đào tạo sát hạch lái xe cơ giới đường bộ cũng đang được đơn vị nghiên cứu và đang đề nghị UBND tỉnh phê duyệt cho thực hiện quy hoạch bến xe tỉnh Hậu Giang để chuyển Bến xe Vị Thanh và Trung tâm đào tạo, sát hạch hiện đang hoạt động tạm trên đất thuộc quy hoạch khu đô thị mới Thành phố Vị Thanh.

6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm - dịch vụ

Xác định rõ nhiệm vụ tối ưu là điều hành công tác vận tải hành khách tuyến cố định, đơn vị luôn chú trọng nâng cao chất lượng phục vụ hành khách. Địa bàn hoạt động của đơn vị tuy không lớn nhưng môi trường hoạt động kinh doanh lại khá phức tạp do Bến xe là nơi tập trung của rất nhiều nhà xe, đến từ nhiều tỉnh thành trong cả nước, số lượng khách đông và nhiều thành phần xã hội.

Để đảm bảo trật tự an toàn bến bãi đơn vị đã thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ, thủ tục giấy tờ các xe ra vào bến; chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng trên địa bàn kiểm tra, giám sát các phương tiện hoạt động tại bến; tăng cường kiểm tra các điều kiện về thể lệ vận tải, cương quyết không cho xuất bến những xe không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; lái xe không có giấy phép lái xe

hoặc giấy phép lái xe không phù hợp với hạng xe điều khiển; phụ xe không có giấy chứng nhận tập huấn theo quy định; thiết bị giám sát hành trình không hoạt động; niêm yết công khai giờ xe chạy các luồng tuyến, giá vé và giá các dịch vụ vận tải,...

Bến xe thường là nơi tập trung đông khách, đặc biệt là trước, trong và sau các dịp nghỉ lễ, Tết, do vậy công tác phục vụ cũng như quản lý, giám sát càng được chú trọng. BQL&ĐH Bến xe tàu đã thực hiện chỉ đạo viên chức và người lao động nâng cao tinh thần phục vụ, thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

Về hoạt động đào tạo sát hạch lái xe mô tô được đơn vị đặc biệt quan tâm và thường xuyên kiểm tra giám sát kịp thời để đảm bảo công tác đào tạo được thực hiện đúng quy định.

6.6. Hoạt động Marketing

Là đơn vị sự nghiệp công lập, quy mô chưa lớn mạnh, vì vậy đơn vị chưa chú trọng phát triển mạnh hoạt động marketing do nguồn kinh phí còn hạn chế. Các hoạt động tuyên truyền quảng cáo tạm thời chỉ thông qua việc xây dựng chất lượng dịch vụ tốt qua đó tạo uy tín và sự tin tưởng đối với khách hàng và đối tác.

6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hoạt động kinh doanh bến xe tại tỉnh Hậu Giang của BQL&ĐH bến xe tàu mặc dù được biết đến nhiều xong tới hiện tại vẫn chưa xây dựng lô gô và thương hiệu riêng để tạo điểm nhấn về nhận diện thương hiệu. Các hoạt động sáng chế và bản quyền cũng chưa phát sinh.

6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Khách hàng	Nội dung hợp đồng	Năm ký hợp đồng	Tình trạng	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Mỹ Vân	Thuê mặt bằng	1/2018	Đang thực hiện	
2	Cty CP xe khách Phương Trang	Thuê mặt bằng	1/2018	Đang thực hiện	
3	DNTN vận chuyển hành khách Mỹ Duyên	Hợp đồng khai thác tuyến	1/2018	Đang thực hiện	Thu theo thực tế phát sinh
4	Cty TNHH TMDV Dầu Khí Hậu Giang	Hợp tác kinh doanh	5/2018	Đang thực hiện	
5	Sở Giao thông vận tải Hậu Giang	Thuê cơ sở vật chất sát hạch lái xe A1	5/2018	Đang thực hiện	Hợp đồng từng khóa

(Nguồn: BQL&ĐH Bến xe tàu)

6.9. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Số liệu chi tiết tình hình tài chính được tóm tắt ở bảng sau:

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	5.436.063.131	5.963.939.988	5.997.825.002
2	Tổng chi phí	3.381.292.210	3.619.514.349	3.812.853.920
3	Lợi nhuận sau thuế	2.054.770.921	2.344.425.639	2.184.971.072
4	Nộp ngân sách	570.857.254	632.404.450	352.630.380
5	Nợ phải thu	-	185.905.270	191.462.110
	Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-
6	Nợ phải trả	882.431.708	2.478.921.708	1.952.888.808
	Trong đó, nợ quá hạn	-	-	-
7	Tổng số lao động bình quân	30	30	28
8	Tổng quỹ lương	1.296.308.857	1.498.479.172	1.515.408.532
9	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	3.600.857	4.162.442	4.510.135

(Nguồn: BQL&ĐH Bến xe tàu)

6.10. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của BQL&ĐH bến xe tàu trong năm báo cáo

✚ Thuận lợi

- Đội ngũ VC&NLĐ nhiều năm kinh nghiệm, nhiệt huyết trong công việc.
- Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Ban Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hậu Giang và các đơn vị có liên quan. Đặc biệt là sự đoàn kết thống nhất, nỗ lực phấn đấu của viên chức và người lao động đơn vị, gương mẫu ở từng vị trí công tác, bám sát nhiệm vụ, thực hiện quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.
- Tình hình tư tưởng của viên chức và người lao động ổn định, tin tưởng và đường lối của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Với yêu cầu nhiệm vụ được giao, viên chức và người lao động luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tập thể đơn vị luôn đoàn kết, thống nhất; viên chức và người lao động thường xuyên được giáo dục về chính trị tư tưởng, được chăm lo đầy đủ về chế độ chính sách, do đó viên chức và người lao động yên tâm công tác, gắn bó với đơn vị.
- Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể và tổ chức bộ máy đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ được Sở giao hoàn thành theo đúng kế hoạch, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

⚡ **Khó khăn**

***Lĩnh vực quản lý và khai thác bến**

- Còn nhiều trường hợp xe chạy tuyến cố định bỏ bến chuyển sang chạy hợp đồng.
- Tình hình bến cóc, xe dù, xe không đăng ký kinh doanh vận tải theo quy định chưa được kiểm chế mà còn có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự an toàn giao thông và tạo môi trường kinh doanh không lành mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Về cơ chế, là đơn vị sự nghiệp, hoạt động theo mô hình tự chủ và chưa chuyển đổi thành doanh nghiệp nên trong khâu tổ chức nhân sự, quản lý nguồn vốn và huy động vốn để đầu tư phát triển đơn vị còn gặp nhiều khó khăn.
- Việc thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm;
- Ý thức chấp hành luật giao thông đường bộ, các quy định trong công tác vận tải hành khách của một bộ phận lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách đi xe còn yếu nên phần nào có ảnh hưởng đến công tác quản lý vận tải hành khách tại bến xe;
- Bến xe là nơi công cộng, tập trung nhiều thành phần xã hội, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại đơn vị luôn diễn biến phức tạp, sự phối hợp giữa các lực lượng chưa được quan tâm đúng mức và kịp thời. Do vậy hiệu quả trong công tác quản lý vận tải hành khách tại bến xe chưa đạt được hiệu quả như mong muốn;
- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập, nhiều loại hình vận tải mới được kinh doanh hoạt động như xe buýt và xe Limousine, dẫn đến ngày càng gia tăng sự cạnh tranh trên thị trường, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của các nhà xe tuyến cố định liên tỉnh, làm giảm số lượng và tần suất hoạt động của các xe tại bến.

***Lĩnh vực đào tạo sát hạch**

- Lưu lượng học viên giảm dần.
- Cạnh tranh không lành mạnh giữa các trung tâm đào tạo sát hạch.
- Về hoạt động đào tạo sát hạch lái xe mô tô của đơn vị hiện chịu nhiều sự cạnh tranh của các đơn vị khác trên địa bàn, điều này thể hiện qua số lượng học viên đào tạo giảm sút qua các năm vừa qua.

6.11. Vị thế của đơn vị so với các đơn vị khác trong cùng ngành

a. Vị thế của công ty trong ngành:

BQL&ĐH Bến xe tàu là đơn vị hầu hết quản lý và khai thác các bến xe trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, nên không chịu áp lực nhiều về cạnh tranh từ các đơn vị khác cùng ngành trên địa bàn.

Trung tâm đào tạo sát hạch cũng đóng một vị trí hết sức quan trọng chiếm tỷ lệ cao về số lượng cũng như chất lượng.

b. Triển vọng phát triển của ngành:

Tỉnh Hậu Giang đã và đang tập trung phát triển lĩnh vực du lịch tại địa phương, điều này góp phần gia tăng lượt khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan và du lịch tại tỉnh Hậu Giang. Điều này thể hiện cụ thể qua số lượng khách du lịch tăng mạnh từ 235.000 lượt khách năm 2016 lên 332.000 lượt khách năm 2017, tăng 41% so với năm 2016. Từ đó hoạt động vận tải phải phát triển là nhu cầu gắn với các dịch vụ như: Đào tạo sát hạch, kiểm định, cung ứng trang thiết bị kỹ thuật dịch vụ là điều cần thiết. Do vậy việc phát triển của đơn vị sau cổ phần sẽ có ý nghĩa về triển vọng.

Với chủ trương chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt là lĩnh vực công ích và bến xe là lĩnh vực đặc thù được ưu tiên về các chính sách đầu tư. Điều này cũng đem lại kỳ vọng, kích thích phát triển cho hoạt động dịch vụ bến xe khách trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Đơn vị đạt mục tiêu khắc phục mọi khó khăn, củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất hiện có, phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện nay của thị trường. Đơn vị cũng có định hướng duy trì và phát triển thị phần kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của bến xe hiện có. Đồng thời cũng tập trung cải thiện công tác quản trị, đặc biệt chú trọng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và ý thức phục vụ của đội ngũ viên chức và người lao động nhằm tăng chất lượng phục vụ tại bến xe đối với hành khách và đơn vị vận tải.

Như vậy nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của mình cũng như là có định hướng phát triển đúng với tiềm năng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước.

II. THỰC TRẠNG BAN QUẢN LÝ TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BAN QUẢN LÝ

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Đơn vị tại thời điểm xác định giá trị đơn vị 31/05/2018 như sau:

Đvt: đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	39.020.894.817	34.435.420.597	39.542.027.472	36.349.327.559
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	37.213.646.608	32.799.513.388	37.685.500.273	34.607.030.115
1	Tài sản cố định	36.092.366.608	31.872.689.388	36.564.220.273	33.680.206.115
a	Nhà cửa vật kiến trúc	35.686.675.400	31.574.956.472	36.138.331.520	33.350.033.730
b	Máy móc, thiết bị	332.685.208	245.235.253	345.732.753	273.001.385
c	Tài sản khác	56.350.000	35.841.663	63.500.000	40.515.000
f	Tài sản cố định vô hình	16.656.000	16.656.000	16.656.000	16.656.000
2	Xây dựng cơ bản	1.121.280.000	926.824.000	1.121.280.000	926.824.000
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	1.807.248.209	1.635.907.209	1.856.527.199	1.742.297.444
1	Tiền	1.038.315.538	1.038.315.538	1.038.243.028	1.038.243.028
2	Các khoản phải thu	506.714.671	506.714.671	506.714.671	506.714.671
3	Tài sản lưu động khác	262.218.000	90.877.000	311.569.500	197.339.745
B	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		39.020.894.817	34.435.420.597	39.542.027.472	36.349.327.559

2. Thực trạng về tài chính công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ tại thời điểm xác định giá trị đơn vị 31/05/2018 như sau:

Đvt: đồng

TT	Khoản mục	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
A	Các khoản phải thu	506.714.671	506.714.671	-
I	Các khoản phải thu ngắn hạn			-

1	Phải thu khách hàng	278.305.926	278.305.926	-
2	Các khoản phải thu khác	228.408.745	228.408.745	
B	Các khoản phải trả	1.880.800.867	1.880.800.867	-
I	Các khoản phải trả ngắn hạn	1.880.800.867	1.880.800.867	-
1	Phải trả nhà cung cấp	752.888.808	752.888.808	-
2	Huy động vốn của viên chức	900.000.000	900.000.000	
3	Phải trả khác	227.912.059	227.912.059	

(Nguồn: Báo cáo xác định giá trị BQL&ĐH Bến xe tàu)

3. Thực trạng về đất đai đang sử dụng

BQL&ĐH Bến xe tàu đang quản lý và sử dụng 4 phần đất như sau:

- Bến xe Vị Thanh, Bến xe Châu Thành A thuê mặt bằng hàng năm.
- Bến xe Ngã Bảy, Bến xe Kinh Cùg thuê đất dài hạn.

Chi tiết về các lô đất như bảng sau:

*Phương án Cổ phần hóa
Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu*

STT	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Số tờ bản đồ	Nguồn gốc sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Cơ sở pháp lý
1	Bến xe khách Vĩ Thanh	Đường Trần Hưng Đạo, Kv3, P. 5, TP Vĩ Thanh	4.950,5		15	Nhà nước cho thuê mặt bằng hàng năm (Nhà nước không cho thuê đất) tính từ 01/01/2018. Khi nhà nước có nhu cầu sử dụng cần phải thu hồi thì Ban quản lý và Điều hành bến xe tàu sẽ được thông báo trước 03 tháng và có trách nhiệm bàn giao lại mặt bằng theo quy định.	Đầu tư xây dựng Bãi đậu xe tải, xe công trình. Đầu tư xây dựng Bến xe thành phố Vĩ Thanh	- Công văn số 1753/UBND-KT ngày 04/10/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang thống nhất chủ trương cho Ban quản lý và Điều hành bến xe tàu thuộc Sở giao thông vận tải tiếp tục thuê 10.719,92 m ² . - Tờ trình số 981/TTT-SGTVT ngày 13/7/2018 của Sở giao thông vận tải xin chủ trương cho Ban QL&ĐH Bến xe, tàu được đầu tư xây dựng Bến xe khách tỉnh Hậu Giang.
2	Bến xe thị xã Ngã Bảy	Phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	18.768,9	1219	09	Nhà nước giao đất lâu dài không thu tiền sử dụng đất (cho Sở Giao thông vận tải - chủ đầu tư)	Quản lý và khai thác dịch vụ bến bãi, mở Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe	- Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 21/05/2013 của UBND tỉnh Hậu Giang. - Tờ trình số 53/TTT-BQL ngày 15/3/2018 của Ban QL&ĐH Bến xe tàu về việc xin chủ trương đầu tư xây dựng Cơ sở Đào tạo lái xe ô tô tại Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang kèm theo đề án xây dựng Trung tâm Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ.

**Phương án Cổ phần hóa
Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu**

3	Bến xe Châu Thành A	Thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	20.717,50				Đầu tư xây dựng bến xe loại 4	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 1696/UBND-KTTH ngày 01/11/2012 của UBND tỉnh Hậu Giang - Chưa lập thủ tục đất đai theo quy định. - Vị trí đất chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
4	Bến xe Kinh Cù	Xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	1.102	937	16	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng và quản lý khai thác bến xe Kinh Cù	<ul style="list-style-type: none"> Công văn số 2212/UBND ngày 03/10/2005 và công văn số 2272/UBND-KT ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang

(Nguồn: BQL&ĐH Bến xe tàu)

4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu ngày 14/12/2018, tổng số CBCNV có tên trong danh sách thường xuyên của Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu là 30 người, trong đó cơ cấu như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo trình độ lao động	30	100,00
1	Trên đại học	-	-
2	Trình độ đại học	21	70,00
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	2	6,67
4	Trình độ khác	7	23,33
II	Phân theo loại hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động	30	100,00
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	26	86,67
3	Hợp đồng xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	4	13,33
4	Hợp đồng dưới 12 tháng và thời vụ	-	-
III	Phân theo giới tính	30	100,00
1	Nam	19	63,33
2	Nữ	11	36,67

(Nguồn: BQL&DH Bến xe tàu)

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Không có.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Thông tư 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 2/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 766/VPCP-ĐMDN ngày 25/01/2017 của Văn phòng Chính phủ về danh mục đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hậu Giang chuyển thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 31/2017/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2017 về tiêu chí danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/04/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2017 – 2020;

- Căn cứ Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc chuyển Ban Quản lý và Điều hành Bến xe tàu thành công ty cổ phần

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 14/04/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 13/09/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc thay thế thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Quyết định số 02/QĐ-BCĐCPH ngày 15/05/2017 của Ban Chỉ đạo cổ phần

hóa BQL&ĐH Bến xe tàu về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Công văn số 950/UBND-KT ngày 14/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc chủ trương chọn đơn vị tư vấn cổ phần hoá và xác định giá trị của BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Căn cứ Công văn số 2275/UBND-KT ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh mốc thời gian xác định giá trị doanh nghiệp;

- Quyết định số 11/QĐ-BCĐCPH ngày 31/07/2018 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu về việc kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Công văn số 1107/UBND-KT ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang về việc hạch toán giá trị tài sản nhà nước để cổ phần hoá BQL&ĐH Bến xe tàu;

- Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt giá trị của Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu tại thời điểm ngày 31 tháng 05 năm 2018 để cổ phần hóa;

- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Theo quy định tại khoản 2, điều 2 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, quy định như sau:

“2. Trình tự, thủ tục và các nội dung liên quan đến việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần được thực hiện theo quy định tại Quyết định này; những nội dung không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.”

Hiện nay Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ đã thay thế Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Do vậy trình tự, thủ tục và các nội dung còn lại có liên quan đến việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần được thực hiện theo quy định tại Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 26/05/2015 sẽ thực hiện theo Nghị định

126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05/04/2017 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần giai đoạn 2017 – 2020, cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu nhằm mục tiêu:

- Thực hiện cổ phần hóa nhằm huy động vốn của các cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của đơn vị sự nghiệp công lập sau cổ phần hóa.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, nhà đầu tư và người lao động trong đơn vị.

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- BQL&ĐH Bến xe tàu luôn nhận được sự được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Ban chỉ đạo cổ phần hoá, của Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và UBND tỉnh Hậu Giang cũng là điều kiện thuận lợi cho BQL&ĐH Bến xe tàu trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

- Lực lượng nhân sự tại thời điểm công bố giá trị đơn vị không nhiều, bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức hiện tại được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.

- Ban Điều hành Bến xe tàu đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo.

- Toàn thể viên chức và người lao động từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Giá trị thực tế đơn vị để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Hậu

Giang về việc phê duyệt giá trị của Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu để cổ phần hóa Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu và hồ sơ xác định giá trị đơn vị, giá trị thực tế đơn vị để cổ phần hóa thể hiện ở bảng sau:

BẢNG TỔNG HỢP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	34.435.420.597	36.349.327.559	1.913.906.962
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	32.799.513.388	34.607.030.115	1.807.516.727
1. Tài sản cố định	31.872.689.388	33.680.206.115	1.807.516.727
a. TSCĐ hữu hình	31.856.033.388	33.663.550.115	1.807.516.727
b. TSCĐ vô hình	16.656.000	16.656.000	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
3. Chi phí XDCB dở dang	926.824.000	926.824.000	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			-
5. Chi phí trả trước dài hạn			-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.635.907.209	1.742.297.444	106.390.235
1. Tiền:	1.038.315.538	1.038.243.028	(72.510)
+ Tiền mặt tồn quỹ	531.393.287	531.393.000	(287)
+ Tiền gửi ngân hàng	506.922.251	506.850.028	(72.223)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn			-
3. Các khoản phải thu	506.714.671	506.714.671	-
4. Vật tư hàng hóa tồn kho			-
5. TSLĐ khác	90.877.000	197.339.745	106.462.745

6. Chi phí sự nghiệp			
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của đơn vị			-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất			-
B. Tài sản không cần dùng			-
(Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)			-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			-
1.TSCĐ			-
Trong đó: TS đầu tư = Quỹ khen thưởng + Quỹ phúc lợi			-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
3. Chi phí XD CB dở dang			-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:			-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi			-
2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất			-
C. Tài sản chờ thanh lý			-
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn			-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:			-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)			-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ (A + B + C + D)	34.435.420.597	36.349.327.559	1.913.906.962
Trong đó:			-

TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ ĐƠN VỊ (Mục A)	34.435.420.597	36.349.327.559	1.913.906.962
E1. Nợ thực tế phải trả	1.880.800.867	1.880.800.867	-
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN			-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	34.024.943	34.024.943	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP	32.520.594.787	34.434.501.749	1.913.906.962
[A -(E1+E2)]			

(Nguồn: Báo cáo xác định BQL&ĐH Bến xe tàu)

Căn cứ kết quả xác định giá trị BQL&ĐH bến xe tàu được UBND tỉnh Hậu Giang thông qua thì:

1. Giá trị thực tế của BQL&ĐH bến xe tàu: **36.349.327.559** đồng
2. Giá trị thực tế phần vốn NN tại đơn vị: **34.434.501.749** đồng

Ghi chú: Sau ngày xác định giá trị đơn vị 31/05/2018, UBND tỉnh Hậu Giang đã ban hành quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 26/06/2018 về việc Phê duyệt tổng thể quyết toán công trình: Bến xe thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Theo đó, giá trị khoản đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cho Bến xe thị xã Ngã Bảy là **943.946.000 đồng** đã được quyết toán, tuy nhiên trong hồ sơ xác định giá trị đơn vị (Đã được UBND tỉnh Hậu Giang thông qua tại Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 về việc phê duyệt giá trị của Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu để cổ phần hóa Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu) chưa được ghi nhận vào giá trị phần vốn nhà nước đầu tư tại đơn vị. Phần vốn nhà nước đã được đầu tư và đã được quyết toán này sẽ được xử lý theo đúng quy định tại quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 22/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

a) Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại đơn vị sự nghiệp công lập, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

b) Bán một phần vốn nhà nước hiện có.

c) Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sau cổ phần hóa và phù hợp với chủ trương chung của Chính phủ, hình thức cổ phần hóa được đề xuất lựa chọn là **bán một phần vốn Nhà nước hiện có**.

2. Thông tin BQL&ĐH Bến xe tàu sau khi cổ phần hóa

2.1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU HẬU GIANG.**

- Tên công ty bằng tiếng anh: **HAU GIANG TRANSPORT STATION
JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên công ty viết tắt:

- Trụ sở chính: Trần Hưng Đạo, KV3, Phường 5, TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Điện thoại: 0293 877 448

Fax:

- Website:

- E-mail:

- Logo:

2.2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh, phát triển ngành nghề kinh doanh hiện tại đồng thời bổ sung một số ngành nghề khác, bao gồm:

- Kinh doanh bến bãi xe tàu phà;

- Kinh doanh vận tải hàng hoá;

- Kinh doanh vận tải hành khách, bao gồm: Vận tải bằng xe buýt; xe taxi, xe tuyến cố định, xe thuê bao hợp đồng,...

- Đào tạo và sát hạch lái xe mô tô và ô tô;

- Kinh doanh xăng dầu;

- Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ;

- Dịch vụ hỗ trợ vận tải (Sửa chữa xe máy và ô tô, xây dựng nhà cho hành khách và khách vắng lai thuê, dịch vụ thương mại xây dựng...);

- Dịch vụ nhà nghỉ hành khách, sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai,

cửa hàng tiện lợi 24/24;

- Dịch vụ khác.

2.3. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ 40% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty

3.1. Quyền hạn của Công ty

- Được tiếp tục kế thừa các quyền và lợi ích hợp pháp của BQL&ĐH Bến xe tàu chuyển sang.
- Công ty có quyền tự chủ về quản lý sản xuất kinh doanh.
- Công ty có các quyền về quản lý tài chính.
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có nghĩa vụ quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Vốn điều lệ

a. Vốn điều lệ:

Căn cứ Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt giá trị đơn vị đối với BQL&ĐH bến xe tàu. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị là: **34.434.501.749 đồng**. Vốn điều lệ tại BQL&ĐH bến xe tàu được đề xuất là:

- Vốn điều lệ: **34.434.500.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Phần chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị và vốn điều lệ công ty cổ phần là 1.749 đồng sẽ trả về cho nhà nước.

- Mệnh giá 1 cổ phần: 10.000 đồng.
- Tổng số cổ phần phát hành lần đầu: **3.443.450 cổ phần**
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

Căn cứ theo Quyết định số 31/2017/QĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/07/2017 về tiêu chí danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự

nghiệp công lập thành công ty cổ phần, BQL&ĐH Bến xe tàu thuộc trường hợp Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần khi thực hiện chuyển thành công ty cổ phần. Do vậy tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại BQL&ĐH Bến xe tàu sau cổ phần hóa được đề xuất là 40%.

b. Kế hoạch tăng vốn điều lệ sau cổ phần hóa:

Sau cổ phần hóa, công ty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty. Mọi quyết định liên quan tới thay đổi vốn điều lệ do đại hội đồng cổ đông công ty quyết định. Tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu triển khai hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ cho phù hợp.

Tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước và giá trị phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần thay đổi trong các quá trình tăng vốn sẽ do cơ quan chủ sở hữu quyết định và phù với chủ trương chính sách chung của nhà nước và tình hình thực tế.

4.2. Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Cổ đông	Số lượng (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Cổ phần Nhà nước	1.377.380	13.773.800.000	40,00
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên công tác	46.200	462.000.000	1,342
3	Cổ phần ưu đãi dành cho người lao động cam kết làm việc lâu dài	7.400	74.000.000	0,215
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	2.012.470	20.124.700.000	58,443
5	Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược	-	-	-
6	Cổ phần bán cho công đoàn	-	-	-
	Tổng cộng	3.443.450	34.434.500.000	100,00

5. Phương án chào bán cổ phần:

5.1. Chào bán công khai ra bên ngoài cho các Nhà đầu tư

- Tổng số cổ phần bán đấu giá : 2.012.470 cổ phần, tương đương 20.124.700.000 đồng, chiếm 58,443% Vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Giá khởi điểm đề xuất : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Phương thức đấu giá : Bán đấu giá công khai Sở Giao dịch Chứng khoán
- Thời gian bán đấu giá : Sau khi được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt phương án cổ phần hóa, Đơn vị sẽ triển khai hoàn thiện bản công bố thông tin đợt chào bán và tiến hành bán cổ phần ra bên ngoài. Các trình tự, thủ tục liên quan đến đợt bán đấu giá được quy định trong “Quy chế bán đấu giá” do Sở giao dịch Chứng khoán ban hành.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 4, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
- Hình thức đặt cọc : Thực hiện theo “Quy chế bán đấu giá” do Sở giao dịch Chứng khoán ban hành.

5.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Theo điều 3, Quyết định số 31/QĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc nắm giữ cổ phần của Nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hoá, quy định như sau:

Điều 3. Danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần

Thực hiện chuyển thành công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần tại các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, lĩnh vực sau:

1. Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch.
2. Thoát nước và xử lý nước thải.
3. Vệ sinh môi trường.
4. Chiếu sáng.
5. Sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng vật nuôi.
6. Dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực (lập quy hoạch đô thị, kế toán, kiểm toán, thuế, thẩm định giá tài sản, nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận xã hội, tư vấn về quản lý và kinh doanh...).

7. Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
8. Thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
9. Đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.
10. Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa.
11. Quản lý, bảo trì bến tàu, bến xe.
12. Kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới và phương tiện thủy.
13. Kiểm định xây dựng.
14. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
15. Hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.
16. Kinh doanh mặt bằng hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, đầu tư.
17. Các dịch vụ hỗ trợ, cung cấp thông tin, quảng bá du lịch.
18. Quản lý bất động sản; quản lý chợ, trung tâm thương mại.
19. Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ và dịch vụ lưu trú ngắn ngày và phục vụ hội họp.
20. Phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Như vậy BQL&ĐH bến xe tàu thuộc đối tượng nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ theo điểm b, khoản 3, điều 6, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ, quy định như sau:

b) Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, BQL&ĐH bến xe tàu không thuộc đối tượng nhà nước nắm giữ trên 50%, do đó không thuộc đối tượng bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

5.3. Cổ phần bán cho người lao động trong công ty:

5.3.1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty TNHH Một Thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Thông tư 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định 22/2015/QĐ-TTg ngày 2/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

5.3.2. Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực của người lao động với sự phát triển sau cổ phần hóa.

5.3.3. Cổ phần chào bán cho người lao động trong công ty theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Số lượng cổ phần mà người lao động trong đơn vị được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước được thực hiện căn cứ Khoản 1 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg:

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước.

Giá mua cho người lao động thực hiện theo điểm b, khoản 1, điều 42 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

Người lao động được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

Thời gian hạn chế chuyển nhượng căn cứ theo điểm đ, khoản 1, điều 42, Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi."

Dựa trên cơ sở đó, Đơn vị xây dựng phương án mua cổ phần ưu đãi đối với lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị cổ phần hóa theo thời gian làm việc tại khu vực Nhà nước như sau:

- Tổng số lao động tại thời điểm : 30 người
công bố giá trị đơn vị
- Tổng số lao động mua theo thời : 30 người
gian thực tế làm việc trong khu
vực Nhà nước
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 46.200 cổ phần – tương đương giá trị
theo thời gian thực tế làm việc 462.000.000 đồng tính theo mệnh giá
trong khu vực Nhà nước chiếm 1,342% vốn điều lệ Công ty cổ
phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng : 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua
cổ phần ưu đãi
- Giá bán : 6.000 đồng/cổ phần
- Thời gian thực hiện : Sau khi hoàn tất bán đấu giá công
khai

Danh sách người lao động được mua ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước theo Phụ lục kèm Phương án lao động.

❖ **Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần ưu đãi**

Căn cứ theo khoản 1, điều 5, thông tư 35/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, quy định:

"1. Chính sách mua cổ phần với giá ưu đãi

a) Người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được mua cổ phần với giá ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (tính theo năm, đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg.

b) Thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước (cộng dồn) tính đến thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, trừ đi thời gian đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi (tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần) trước đó và thời gian đã được tính hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động hoặc tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần (nếu có).

c) Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, tại cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đơn vị sự nghiệp công lập khác trước khi về làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi.

Thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước được tính tương tự như quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư này."

Như vậy, thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập. Thời gian này không bao gồm thời gian đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi (tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa hoặc đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần) trước đó và thời gian đã được tính hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động hoặc tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần (nếu có)

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị đơn vị để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

- Thời gian đã làm việc tại đơn vị;
- Thời gian tập sự, thử việc trước khi vào làm việc tại đơn vị (nếu có);
- Thời gian được đơn vị cử đi học;
- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau, thai sản, điều trị thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội;
- Thời gian nghỉ hàng tuần, nghỉ việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động;
- Thời gian hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật về lao động và công đoàn;
- Thời gian phải ngừng việc, nghỉ việc không do lỗi của người lao động;

- Thời gian bị tạm đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam nhưng được trở lại làm việc do được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kết luận không phạm tội.

❖ **Nguyên tắc xác định**

- Nguyên tắc xác định số cổ phần người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của BQL&ĐH bến xe tàu tại thời điểm công bố giá trị đơn vị được mua ưu đãi.

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước.

❖ **Số lượng cổ phần chào bán**

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị đơn vị cổ phần hóa là: 30 người.

- Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi: 30 người. Số người không đủ điều kiện mua là 0 người.

- Tổng số năm công tác của người lao động được mua cổ phần ưu đãi trong khu vực Nhà nước: 462 năm.

- Số lượng cổ phần chào bán: 46.200 cổ phần, chiếm 1,342% vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần.

- Giá bán cho người lao động: 6.000 đồng/cổ phần.

- Danh sách người lao động, năm công tác của từng người, số cổ phần từng người được mua ưu đãi (*danh sách kèm theo*).

5.3.4. Cổ phần chào bán cho người lao động theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.

Số lượng cổ phần mà người lao động trong đơn vị được mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg:

“Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của đơn vị tại thời điểm công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 03 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phiếu theo quy định sau:

Mua thêm theo mức 200 cổ phiếu/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phiếu cho 01 người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và chủ đề tài nghiên cứu khoa học, bằng phát minh sáng chế đã được ứng dụng làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập có cam kết làm việc lâu dài ít nhất 05 năm (kể từ ngày đơn vị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động”.

Giá mua của người lao động đối với số cổ phần mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài thực hiện theo điểm b, khoản 2, Điều 42 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

Giá bán cổ phần cho người lao động là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa.

Căn cứ theo tình hình thực tế tại đơn vị, không xét xây dựng đối tượng người lao động là chuyên gia giỏi.

Hội nghị công nhân viên chức đề phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa, kết quả như sau:

- Số lao động chuyển sang làm việc tại : 30 người
Công ty cổ phần
- Số lao động đăng ký mua cổ phần theo : 5 người
thời gian cam kết làm việc tại công ty
cổ phần
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký : **7.400 cổ phần** – tương đương giá
mua thêm theo số năm cam kết trị 74.000.000 đồng tính theo
mệnh giá chiếm 0,215% vốn
điều lệ Công ty cổ phần
- Giá bán : Là giá khởi điểm đã được phê
duyet
- Hạn chế chuyển nhượng : Bằng thời gian người lao động
cam kết làm việc lâu dài, tối thiểu
3 năm, tối đa 10 năm
- Thời gian dự kiến : Sau khi hoàn tất bán đấu giá công
khai

❖ **Tiêu chí người lao động**

Nhóm đối tượng 1: Người lao động đang làm việc tại công ty; là những chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao: Không có

Nhóm đối tượng 2: Là người lao động đang làm việc tại công ty đảm bảo các điều kiện sau: Làm việc tại công ty cổ phần từ 01 năm trở lên (tính từ ngày ký hợp đồng chính thức); có cam kết làm việc tối thiểu 3 năm đến tối đa là 10 năm cho công ty sau khi chuyển sang cổ phần.

Ưu đãi:

+ Được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động ;

+ Giá mua là giá khởi điểm được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt để thực hiện bán đấu giá công khai.

❖ **Số lượng cổ phần chào bán**

- Tổng số lao động đăng ký mua cổ phần theo dạng cam kết làm việc: 5 người.
- Tổng số năm cam kết làm việc: 37 năm.
- Tổng số cổ phần đăng ký mua theo cam kết: 7.400 cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán dự kiến: 7.400 cổ phần, chiếm 0,215% vốn điều lệ.

Danh sách người lao động được mua theo đăng ký cam kết được đính kèm theo phương án cổ phần hóa.

5.3.5. Cổ phần chào bán cho Công đoàn Công ty

Theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 33 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại Điều 26 Luật Công đoàn năm 2012; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

Giá bán cổ phần cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

❖ **Số lượng cổ phần chào bán**

Căn cứ trên nhu cầu tình hình tài chính thực tế, Công đoàn của BQL&ĐH bến xe tàu không đăng ký mua khối lượng cổ phần được mua ưu đãi theo quy định.

5.4. Xử lý cổ phần không bán hết.

Xử lý cổ phần không bán hết thực hiện theo quy định tại điều 37, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ, quy định cụ thể như sau:

“Điều 37. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

1. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển doanh nghiệp sang công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán được sẽ được điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ và thực hiện thoái vốn sau khi doanh nghiệp đã hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, doanh nghiệp cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán.

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. ”

6. Rủi ro dự kiến của đợt chào bán

6.1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, rủi ro kinh tế sẽ giảm bớt và hoạt động của doanh nghiệp sẽ khả quan hơn trong thời gian tới.

Các yếu tố biến động không lường trước được như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái đều có thể ảnh hưởng tới hoạt động chung của các chủ thể tham gia vào thị trường. Công ty cổ phần là chủ thể nên đều có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực trước sự biến động không lường trước được này.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường, ...Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của BQL&ĐH bến xe tàu.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi có thể dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của công ty cổ phần có thể gặp một số khó khăn. Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ vận tải bến xe, đây là lĩnh vực có ít các rủi ro về giá thành nhưng lại có nhiều rủi ro đặc thù về an ninh trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

Nếu không có sự quản lý tốt về an ninh trật tự, có thể trở thành địa bàn hoạt động của các đối tượng trộm cắp, lừa đảo, gây thiệt hại về tài sản cho người dân, hành khách đến bến, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Ban quản lý bến xe nói riêng và của tỉnh Hậu Giang nói chung.

Về an toàn giao thông, cần có sự điều phối tốt để tránh tình trạng ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, gây trễ giờ vào bến, xuất bến của các nhà xe, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của hành khách đến bến.

Về vệ sinh môi trường, do lượng hành khách và các đối tượng khác ra vào bến rất lớn, khối lượng rác thải tạo ra lớn, nếu không có các quy định nghiêm về xả rác cùng các biện pháp dọn dẹp vệ sinh bến xe thì dễ dẫn đến tình trạng ô nhiễm, ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

6.4. Rủi ro của đợt chào bán

Với tốc độ đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước năm 100% vốn điều lệ và các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn đến 2020, bên cạnh đó là chủ trương thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp cũng được thực hiện quyết liệt, điều này dẫn tới khối lượng cổ phần chào bán ra ngoài thị trường khá lớn, nhà đầu tư sẽ có nhiều sự lựa chọn và quan tâm đầu tư hơn. Hoạt động chào bán cổ phần lần đầu của BQL&ĐH bến xe tàu ra ngoài công chúng sẽ bị ảnh hưởng do sự quan tâm của nhà đầu tư bị pha loãng hơn.

6.5. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của công ty.

7. Dự toán chi phí cổ phần hóa.

Chi tiết Dự toán chi phí cổ phần hóa như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Dự toán (đồng)
1	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	30.000.000
2	Chi phí thuê tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và tư vấn cổ phần hóa	150.000.000
3	Thù lao Ban chỉ đạo và tổ giúp việc	324.000.000
4	Chi phí tổ chức bán cổ phần lần đầu và chi phí khác có liên quan	50.000.000
Tổng cộng		554.000.000

Ghi chú:

- Thù lao Ban chỉ đạo và tổ giúp việc được chi theo thực tế phát sinh theo đúng quy định hiện hành.

- Chi phí tổ chức bán cổ phần lần đầu (tổ chức và chi phí khác có liên quan được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

8. Phương án lao động

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có: Đội ngũ lao động trẻ, có trình độ chuyên môn và tay nghề phù hợp với Chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa. Công ty đề xuất giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại đang làm việc tại công ty trước cổ phần hóa.

Số liệu cụ thể về lao động tại thời điểm có quyết định phê duyệt giá trị đơn vị thực hiện cổ phần hóa được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị cổ phần hóa	30	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	30	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	26	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	4	
	- LĐ theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng	0	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Đơn vị	0	
II	Số lao động nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị đơn vị cổ phần hóa	0	
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	0	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	0	
	- Hết hạn HĐLĐ	0	
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0	
	- Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác theo quy định của Pháp luật	0	
	- Lao động không có nhu cầu sử dụng	0	
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị đơn vị	0	
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP	0	
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	0	
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	30	

1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	30	
3	Số lao động nghỉ chế độ BHXH, chia ra:	0	
-	Ốm đau	0	
-	Thai sản	0	
-	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0	
4	Số lao động đang nghỉ hưởng không lương	0	
5	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ	0	
-	Nghĩa vụ Quân sự	0	
-	Nghĩa vụ công dân khác	0	
-	Bị tạm giam, tạm giữ	0	
-	Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0	

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	30	100
1	Trên Đại học	0	0
2	Đại học, Cao đẳng	21	70
3	Sơ cấp, Trung cấp	9	30
4	Lao động phổ thông	0	0
II	Phân loại theo hợp đồng lao động	30	100
1	Không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	26	86,67
3	Hợp đồng từ 12 tháng đến 36 tháng	4	13,33
4	Hợp đồng dưới 12 tháng	0	0
III	Phân loại theo giới tính	30	100
1	Nam	19	63,33
2	Nữ	11	36,67

9. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại BQL&ĐH bến xe tàu, tỷ lệ phần vốn góp nhà nước tại BQL&ĐH bến xe tàu, dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa và nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, cụ thể như sau (*Tạm tính theo giả định tất cả số lượng cổ phần được chào bán hết và giá chào bán đầu giá công khai là 10.000 đồng/cổ phiếu*):

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tiền thu từ CPH (a)	20.475.900.000
1.1	Tiền thu từ chào bán công khai ra bên ngoài	20.124.700.000
1.2	Tiền thu từ chào bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên làm việc trong KVNN	277.200.000
1.3	Tiền thu từ chào bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV theo dạng cam kết làm việc lâu dài	74.000.000
1.4	Tiền thu từ chào bán cho NĐT chiến lược	0
1.5	Tiền thu từ chào bán cổ phần cho công đoàn	0
2	Chi phí xử lý lao động dôi dư (b)	0
3	Chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp (c)	30.000.000
4	Chi phí thuê tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và tư vấn cổ phần hóa (d)	150.000.000
5	Thù lao Ban chỉ đạo và tổ giúp việc (đ)	324.000.000
6	Chi phí tổ chức bán cổ phần lần đầu và chi phí khác có liên quan (e)	50.000.000
7	Tổng số tiền dự kiến nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (f) = (a) – (b) – (c) – (d) - (đ) - (e)	19.921.900.000

10. Đăng ký giao dịch và niêm yết

Theo quy định tại khoản 2 và 3, Điều 11 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, quy định như sau:

“2. Khi lập hồ sơ bán đầu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa đồng thời phải lập hồ sơ đăng ký lưu ký và hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trên Thị trường chứng khoán (nếu doanh nghiệp cổ phần hóa đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán).

3. Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom."

Theo quy định tại khoản 8, Điều 7, Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, quy định:

"8. Đăng ký, lưu ký cổ phần trúng đấu giá tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch/niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán:

a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá có văn bản gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá phải có đầy đủ thông tin về họ tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ, tài khoản lưu ký, số lượng cổ phần sở hữu. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm cấp mã giao dịch cổ phần cho doanh nghiệp cổ phần hóa trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp tại Đơn đăng ký đấu giá bán cổ phần (theo phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này).

b) Căn cứ thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá. Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UpCoM được xác định trên cơ sở giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai.

c) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trước thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, doanh nghiệp cổ phần hóa có văn bản thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp cổ phần hóa."

Do nhà nước chỉ bán bớt vốn và doanh nghiệp sau cổ phần hóa không đáp ứng điều kiện niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, do vậy cổ phiếu sẽ được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hồ sơ đăng ký giao dịch sẽ thực hiện ngay tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng. Các thủ tục còn lại thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC như nêu trên.

11. Phương án sử dụng đất

Căn cứ theo Công văn số 70/UBND-KT ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Phương án sử dụng đất của Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu, các khu đất Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu tiếp tục quản lý và sử dụng sau cổ phần hóa và Công văn số 3964/UBND-KT ngày 15/11/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc điều chỉnh thông tin thửa đất tại Tiết (-) thứ nhất Khoản 1 Công văn số 70/UBND-KT ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

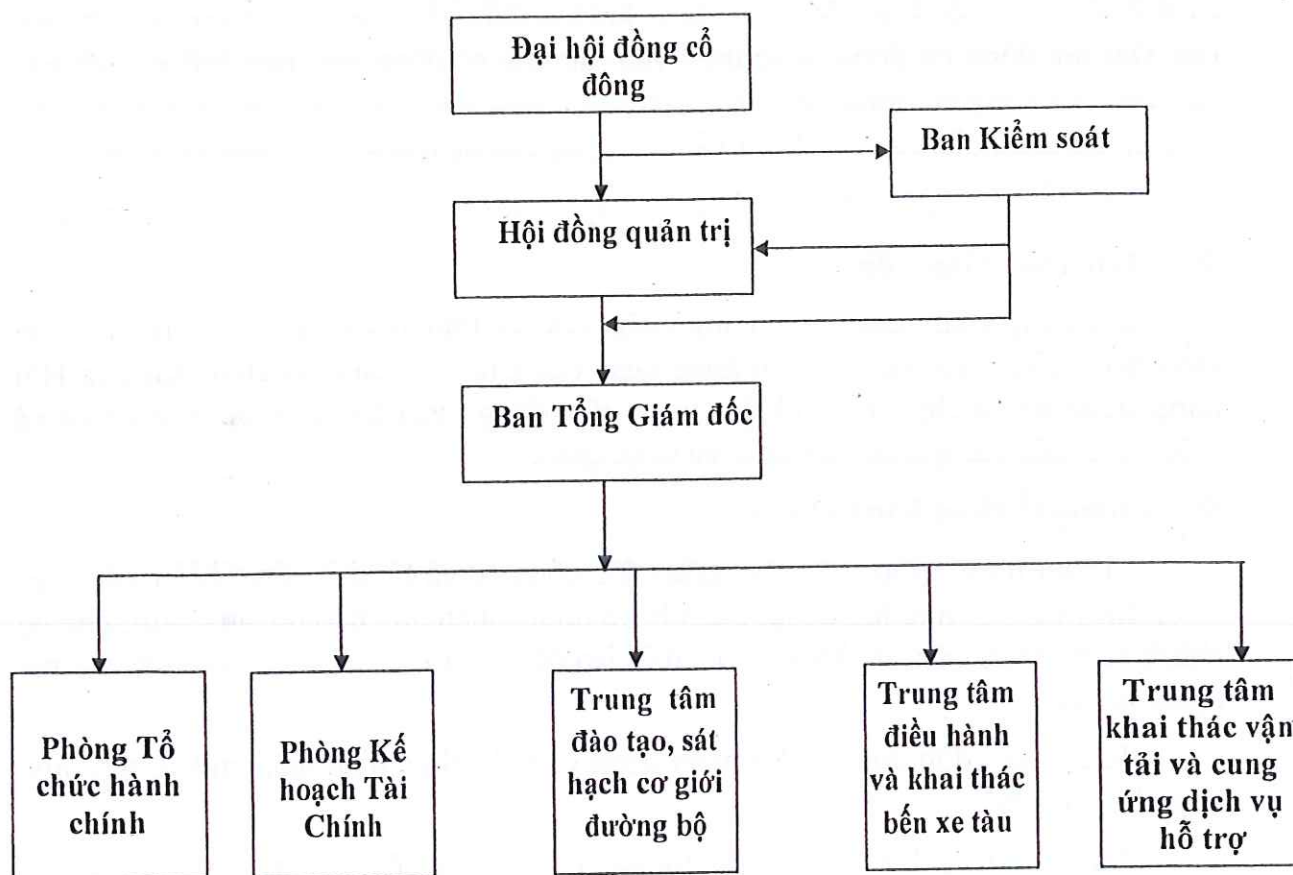
STT	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Số thửa đất	Số tờ bản đồ	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Cơ sở pháp lý
1	Bến xe thị xã Ngã Bảy	Phường Ngã Bảy, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	18.768,9	1219	09	Thuê đất	Đất giao thông	Quyết định số 70/UBND-KT ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc Phương án sử dụng đất của Ban Quản lý và Điều hành bến xe tàu.
2	Bến xe Kinh Cù	Xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	1.102	937	16	Thuê đất	Đất giao thông	

12. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành

12.1 Cơ cấu sắp xếp lại các bộ phận trong doanh nghiệp

Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần sau cổ phần hóa được dự kiến cụ thể như sau:

Sơ đồ bộ máy tổ chức công ty cổ phần



12.2 Chức năng nhiệm vụ bộ máy quản lý, điều hành Công ty

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền Quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty dự kiến gồm 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2015/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Ban kiểm soát của Công ty dự kiến 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Phòng tổ chức hành chính:**

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.

- Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

- Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty

- Thực hiện các công việc khác theo điều động của ban lãnh đạo công ty.

❖ **Phòng kế hoạch tài chính**

➤ **Bộ phận kế hoạch đầu tư:**

- Tham mưu cho lãnh đạo phòng về công tác kế hoạch;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Công ty hàng tháng, năm;
- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ các xe đăng ký tham gia hoạt động tại Bến;
- Xây dựng các hợp đồng liên quan đến hoạt động dịch vụ tại Công ty;
- Xây dựng và đề xuất các phương án đầu tư dự án, mua sắm máy móc trang thiết bị.

- Thực hiện báo cáo tháng, quý, năm theo quy định và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo giao.

➤ **Bộ phận kinh doanh:**

- Tham mưu cho lãnh đạo phòng về công tác kế hoạch;
- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Công ty hàng tháng, năm;

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ các xe đăng ký tham gia hoạt động tại Bến;
- Xây dựng các hợp đồng liên quan đến hoạt động dịch vụ tại Công ty;
- Thực hiện báo cáo tháng, quý, năm theo quy định và các nhiệm vụ khác do lãnh đạo giao.

➤ **Bộ phận tài chính kế toán:**

- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác thu, chi tài chính theo quy định;
- Lập dự toán thu, chi và thực hiện công tác kế toán của Công ty;
- Thực hiện các quy định về việc in, phát hành, sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu.

❖ **Trung tâm đào tạo, sát hạch cơ giới đường bộ:**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, sát hạch lái xe hàng năm trình Ban lãnh đạo công ty xem xét phê duyệt.
- Định kỳ báo cáo kết quả hoạt động và các đề xuất yêu cầu trình ban lãnh đạo công ty xem xét phê duyệt.
- Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, sát hạch lái xe theo đúng kế hoạch đề ra.
- Đề xuất các phương án và giải pháp nhằm tăng hiệu quả hoạt động của trung tâm.
- Tổ chức thực hiện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để thực hiện các công việc khác theo đúng quy định về đào tạo và sát hạch lái xe.
- Các công việc khác theo yêu cầu của ban lãnh đạo công ty.

❖ **Trung tâm điều hành và khai thác bến xe :**

- Thực hiện tổ chức hoạt động của bến xe theo đúng quy định của pháp luật quy định hiện hành về tổ chức hoạt động của bến xe khách, xe tải
- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế khai thác bến bao gồm các hoạt động dịch vụ.
- Đảm bảo các phương án kinh doanh khai thác bến có hiệu quả lợi nhuận cao.
- Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng giữ gìn an ninh trật tự an toàn cho hành khách, quản lý tốt tài, sản phòng chống cháy nổ vệ sinh khu vực bến.

❖ **Trung tâm khai thác vận tải và cung ứng dịch vụ hỗ trợ:**

- Kinh doanh vận tải bằng xe buýt.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa hành khách, Taxi, hợp đồng thuê bao.
- Cung ứng nguyên nhiên vật liệu, trang thiết bị, phương tiện, dịch vụ thương mại...
- Thực hiện các điều kiện pháp lý về kinh doanh vận tải, bảo đảm phương án an toàn giao thông.
- Bảo dưỡng phương tiện, tổ chức và quản lý quá trình sản xuất kinh doanh, quá trình chăm sóc khách hàng.
- Kiểm định an toàn kỹ thuật xe cơ giới đường bộ.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

13.1. Chiến lược phát triển

Đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì và mở rộng nhằm gia tăng thị phần và nắm giữ vị trí dẫn đầu về cung cấp dịch vụ vận tải hành khách (xe buýt và loại hình vận tải khác), dịch vụ bến xe, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và mô tô tại tỉnh Hậu Giang.

Đầu tư nâng cấp dịch vụ bến bãi nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, trung chuyển hành khách và hàng hóa, góp phần tạo diện mạo mới trong phát triển kinh tế, du lịch của tỉnh Hậu Giang.

13.2. Mục tiêu

- Ổn định cơ cấu tổ chức, bộ máy và trụ sở làm việc trên cơ sở vật chất hiện có để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống cho người lao động.
- Duy trì ổn định, từng bước phát triển để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần một cách linh hoạt và hiệu quả trong kinh doanh; cơ cấu lại mô hình tổ chức; tiết kiệm nhân lực, phân công rõ trách nhiệm cho từng người; từng bộ phận, mặt khác khuyến khích tính tự chủ, năng động của các bộ phận, cá nhân trong việc đóng góp phát triển chung của Công ty cổ phần;
- Triển khai các dịch vụ đào tạo lái xe ô tô. Xây dựng lại quy trình và mô hình cung cấp dịch vụ tại các bến xe, trung tâm đào tạo lái xe nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh với các đối thủ trong ngành.
- Xúc tiến các thủ tục triển khai đầu tư Trung tâm điều hành xe Buýt và Dịch vụ hỗ trợ vận tải tại tỉnh Hậu Giang.

- Xúc tiến triển khai các thủ tục pháp lý xin phép và triển khai đầu tư Dự án Bến xe khách tỉnh Hậu Giang kết hợp Trung tâm Sát hạch lái xe loại II phù hợp với quy hoạch đã được UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt.
- Chuyển đổi hình thức làm việc sang giao khoán công việc gắn liền với trách nhiệm và chính sách khen thưởng theo hiệu quả công việc thực hiện.
- Xây dựng các tiêu chí đánh giá người lao động để làm căn cứ xem xét thi đua khen thưởng.
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ với đất nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang.

13.3. Các chỉ tiêu chính

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô lĩnh vực hoạt động của BQL&ĐH bến xe tàu sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, BQL&ĐH bến xe tàu đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong 3 năm tiếp theo như sau:

Một số chỉ tiêu kế hoạch sau cổ phần hóa giai đoạn từ năm 2019 – 2021

I	Tổng doanh thu	Đồng	26.390.650.000	36.943.250.000	38.018.710.000
1	Dịch vụ bến xe tàu;	Đồng	6.560.000.000	10.416.000.000	11.138.000.000
2	Dịch vụ đào tạo, sát hạch lái xe mô tô và ô tô;	Đồng	8.760.000.000	15.288.000.000	15.288.000.000
3	Dịch vụ kinh doanh xăng dầu;	Đồng	1.686.000.000	1.854.600.000	2.040.060.000
4	Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	Đồng	800.000.000	800.000.000	968.000.000
5	Dịch vụ xe buýt	Đồng	8.211.000.000	8.211.000.000	8.211.000.000
6	Dịch vụ hỗ trợ vận tải	Đồng	373.650.000	373.650.000	373.650.000
II	Tổng chi phí	Đồng	19.879.940.000	29.174.000.000	29.267.520.000
III	Lợi nhuận trước thu thuế	Đồng	6.510.710.000	7.769.250.000	8.751.190.000
1	Thuế TNDN (20%)	Đồng	1.302.142.000	1.553.850.000	1.750.238.000
IV	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.208.568.000	6.215.400.000	7.000.952.000
V	Tổng quỹ lương/ tháng	Đồng	271.188.000	454.410.000	495.720.000
VI	Tổng số lao động	Người	48	68	68
VII	Thu nhập bình quân	Trđ/tháng	4.650.000	5.500.000	6.000.000

VIII	Vốn điều lệ	Đồng	34.434.500.000	34.434.500.000	34.434.500.000
IX	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	15,13	18,05	20,33
X	Tỷ lệ cổ tức	%	5	6	7

(Nguồn: Ban QL&ĐH Bến xe tàu)

Ghi chú:

- Vốn điều lệ thực tế qua các năm có thể được điều chỉnh tăng tùy theo nhu cầu huy động vốn để đầu tư phát triển công ty và thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp cùng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Tỷ lệ sở hữu và giá trị phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần có thể thay đổi phù hợp với quy định chung về về tỷ lệ sở hữu của nhà nước tại công ty cổ phần và chủ trương chính sách chung của địa phương.

14. Các giải pháp thực hiện

14.1. Giải pháp về điều hành hoạt động của công ty cổ phần

- Xây dựng cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động của công ty với mô hình công ty cổ phần gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán (sau khi công ty giao dịch trên sàn chứng khoán).

- Xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển chung mà cổ đông đề ra.

- Ban hành các quy chế hoạt động chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành công việc nhằm tối ưu hóa bộ máy quản lý điều hành, nâng cao năng lực quản lý và tiết kiệm chi phí hoạt động.

- Tổ chức tuyển dụng, đào tạo và nâng cao trình độ quản lý chuyên môn cho các cán bộ quản lý trong từng lĩnh vực: Quản lý bến tàu xe; Quản lý trung tâm đào tạo sát hạch lái xe ô tô; Quản lý trung tâm đào tạo sát hạch lái xe mô tô; Quản lý hoạt động kinh doanh xe buýt;...

14.2. Giải pháp về nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh

- Từng bước Xây dựng và điều chỉnh các quy trình, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao công suất phục vụ của bến xe, nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo lái

xe mô tô;

- Xây dựng quy trình nhiệm vụ chuyên môn phục vụ cho hoạt động kinh doanh đào tạo lái xe ô tô và hoạt động kinh doanh xe buýt.

- Đối với các bến xe:

- + Xây dựng lại quy trình giải quyết cho xe ra, vào bến;

- + Quy hoạch vị trí, bố trí diện tích hợp lý, đảm bảo giao thông trong và ngoài bến lưu thông thuận lợi, nhanh chóng và giảm thiểu ùn tắc giao thông, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của bến;

- + Tổ chức các kênh thông tin để tạo điều kiện cho khách hàng và lái, phụ xe nhận được đầy đủ thông tin về hoạt động của bến, qua đó khách hàng có thể tiếp cận và lựa chọn loại hình phục vụ phù hợp nhất;

- + Chú trọng nghiên cứu, cải tạo, quy hoạch lại mặt bằng phân khu chức năng hợp lý để tổ chức kinh doanh khai thác các dịch vụ tại bến xe: dịch vụ quảng cáo, cho thuê địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện vận tải, đại lý bán vé, đại lý dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa và bưu phẩm, dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe và hành khách,...

- Đối với trung tâm đào tạo sát hạch lái xe:

- + Rà soát đánh giá lại các quy trình đào tạo lái xe mô tô và ô tô, xây dựng lại các quy trình thủ tục cho phù hợp với đặc thù hoạt động và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- + Xây dựng bộ phận tiếp nhận thông tin đào tạo thông qua các kênh trực tuyến: Trang thương mại điện tử của trung tâm, hòm thư điện tử, tổng đài, và các trang mạng xã hội.

- + Tuyển dụng và đào tạo bộ phận đào tạo lái xe định kỳ để nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng với sự thay đổi của các quy định hiện hành và nhu cầu của thị trường.

- Tăng cường việc quản lý, kiểm tra và xử lý các vi phạm về môi trường, nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường tại bến xe, vấn đề về phòng chống cháy nổ,...

- Nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý chặt chẽ mọi hoạt động của đơn vị và các bộ phận trực thuộc

- Từng bước hoàn thiện công tác quản trị kinh doanh, đưa ra các quy trình

kiểm soát về tiến độ, chất lượng, tối ưu hóa các chi phí quản lý.

- Quản lý tốt nguồn nhân lực của công ty với mục đích nâng cao hiệu quả lao động.

14.3. Giải pháp về thị trường

- Xây dựng bộ phận marketing thực hiện các công việc: Nghiên cứu thị trường, quảng cáo,

- Xây dựng hệ thống trang thương mại điện tử, mạng xã hội, tổng đài để quảng bá các dịch vụ của công ty và giúp khách hàng tiếp cận và sử dụng dịch vụ được thuận tiện và nhanh chóng.

- Xây dựng hệ thống đặt vé xe từ xa, hệ thống đăng ký trước nhu cầu đào tạo lái xe và các dịch vụ khác.

- Xây dựng bộ phận tiếp nhận và xử lý nhanh chóng các phản hồi thắc mắc từ khách hàng và các đối tác.

- Phối hợp với địa phương để tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền về an toàn giao thông và các chương trình khác có liên quan tới lĩnh vực kinh doanh của công ty nhằm mục tiêu quảng bá thương hiệu của công ty đến cộng đồng ngày càng tốt hơn.

14.4. Giải pháp về vốn

- Điều chỉnh và xây dựng các chính sách kinh doanh linh hoạt nhằm tối ưu hóa vốn lưu động. Áp dụng các chính sách dịch vụ nhằm thu hồi vốn lưu động được nhanh nhất, rút ngắn thời gian các khoản phải thu để tránh bị chiếm dụng vốn.

- Đánh giá hiệu quả các khoản đầu tư để đảm bảo các giai đoạn đầu tư được hiệu quả, thu hồi vốn đầu tư nhanh để tái đầu tư vào hoạt động đầu tư tiếp theo.

- Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư, cổ đông, cán bộ công nhân viên và các nguồn lực khác.

- Hợp tác dưới hình thức liên kết, liên doanh với các đối tác có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm cùng ngành nghề lĩnh vực kinh doanh để cùng đầu tư và khai thác các dự án đầu tư nâng cấp mở rộng và đầu tư mới.

14.5. Giải pháp về đầu tư phát triển

Từng bước nâng cấp đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, đầu tư mới các dự án để tăng doanh thu và lợi nhuận cho đơn vị, cụ thể như trong bảng sau:

Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tổng vốn đầu tư dự kiến		
		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Đầu tư Trung tâm điều hành xe Buýt và Dịch vụ hỗ trợ vận tải	3.000.000.000	-	-
2	Đầu tư dự án Bến xe khách tỉnh Hậu Giang kết hợp Trung tâm Sát hạch lái xe loại II	0	54.220.000.000	-
3	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe ô tô	28.360.000.000	-	-
4	Khu bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô	1.000.000.000	-	-
5	Trạm xăng dầu	4.909.163.734	-	-
Tổng cộng		37.269.163.734	54.220.000.000	-

(Nguồn: Ban QL&DH Bến xe tàu)

Nguồn vốn đầu tư được huy động từ vốn hợp tác kinh doanh với các đối tác, vốn vay ngân hàng, vốn huy động của cổ đông và các nhà đầu tư.

14.6. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Xây dựng quy trình đánh giá, tuyển dụng, đào tạo và các chính sách khen thưởng – kỷ luật phù hợp với mô hình công ty cổ phần và nhu cầu phát triển của công ty.
- Đánh giá năng lực lãnh đạo quản lý và người lao động, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành, nhằm đảm bảo có đội ngũ lãnh đạo và nhân viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động kinh doanh của toàn công ty đạt hiệu quả cao.
- Trên cơ sở kết quả đánh giá, công ty sẽ thực hiện công tác điều động, luân chuyển công tác người lao động, người quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.
- Hàng năm, thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và người quản lý. Đào tạo nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý, phát huy tiềm lực sẵn có của người lao động....
- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, công ty sẽ xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động, công nhân viên và quan tâm nhiều hơn đến công

nhân viên có năng lực. Bên cạnh đó, công ty cũng luôn tạo ra cơ chế linh hoạt để làm động lực cho cán bộ công nhân viên rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của công ty.

- Lấy người lao động là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của công ty, luôn đề cao việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi, có kinh nghiệm ở một số vị trí quan trọng.

KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa BQL&ĐH Bến xe tàu là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của đơn vị cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian sắp tới.

Kính trình Ban chỉ đạo cổ phần hóa tỉnh Hậu Giang thẩm định và trình UBND tỉnh Hậu Giang xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa để BQL&ĐH Bến xe tàu triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước./.

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm 2019

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỞNG BAN



Lê Văn Bằng